TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/HS-ST
Ngày 23-8-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Ngọc Lâm

Bà Hà Thị Hồng Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 75/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/HSST-QĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/10/1987 tại huyện Y, tỉnh N;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số 58*, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Duy T, sinh năm 1958 và bà: Vũ Thị K, sinh năm 1958; có vợ Lê Thị Hồng H, sinh năm 1991 và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2021 đến nay. Có mặt.

2. Ngô Đức C, sinh ngày: 29/4/1993 tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 3**, Quốc Lộ 1A, tổ 9, khối **, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; con ông: Ngô Văn S, sinh năm 1960 và bà: Lộc Thị K, sinh năm 1963; vợ, con: Chưa có;

tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/10/2016 bị Công an thành phố Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về an ninh trật tự; bị tạm giữ từ ngày 02/3/2021 đến hết ngày 11/3/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

3. Lê Thị Hồng H, sinh ngày: 28/8/1991 tại thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 7, N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên hợp đồng ngân hàng BIDV; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; con ông: Lê Doãn L, sinh năm 1955 và bà: Lê Tuyết M, sinh năm 1956; có chồng: Nguyễn Minh T, sinh năm 1987 và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/5/2021 đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Bùi Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 2*, tổ 3, khối 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Bà Vi Thị C, sinh năm 1959, địa chỉ: Số 07/680, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 1*, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 19/1** đường Q, phường V, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Bà Phạm Thúy H, sinh năm 1968; địa chỉ: P12, TT C, đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 06/1 đường Ngô Thị S, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

7. Bà Lương Thị S, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

8. Bà Đào Lan H, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 108 đường P, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 05 đường Nguyễn Thế L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

10. Anh Vũ Tiến D, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 1, khối 7, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

11. Anh Lê Ngọc A, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 6**, đường T, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

12. Bà Nông Thị B, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

13. Bà Lầu Thúy N, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 8, khối 9, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

14. Ngân hàng TMCP Đ (SeAbank); địa chỉ: Số 25 Đ, K, Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Duy S và ông Nguyễn Ngọc N - Chuyên viên thu giữ và xử lý TSBĐ miền Bắc (theo giấy ủy quyền số 10362/2021/UQ-SeABank ngày 08/7/2020). Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ 6/2020 đến tháng 01/2021, Nguyễn Minh T cho vay lãi nặng bằng hình thức vay bát họ và vay lãi ngày. Quá trình cho vay, Nguyễn Minh T thuê Ngô Đức C đi thu tiền gốc hàng ngày và giao dịch với một số người vay theo hình thức bát họ. Nguyễn Minh T và Ngô Đức C thỏa thuận với nhau mức lương Nguyễn Minh T trả cho Ngô Đức C là 5.000.000đ/tháng, mỗi bát họ Nguyễn Minh T cho vay là 10.000.000đ, Nguyễn Minh T cắt lãi trước 2.000.000đ/bát và đưa cho Ngô Đức C 8.000.000đ/bát để Ngô Đức C mang cho khách. Đối với mỗi bát họ, Ngô Đức C được cắt thêm 500.000đ/bát tiền lãi để hưởng hoa hồng. Nếu khách vay tiền trực tiếp với Nguyễn Minh T thì bị cắt 2.000.000đ tiền lãi mỗi bát họ, còn vay qua Ngô Đức C thì bị cắt 2.500.000đ tiền lãi. Những trường hợp đến vay tiền, tùy theo mối quan hệ và số lượng tiền vay, Nguyễn Minh T và Ngô Đức C chuẩn bị giấy vay tiền theo mẫu và tính % (phần trăm) lãi suất khác nhau. Quá trình cho vay, Nguyễn Minh T tính lãi suất dựa trên số tiền vay gốc, không tính cộng dồn tiền vay gốc với tiền lãi chưa thanh toán để tính lãi. Quá trình điều tra làm rõ, đối với việc cho vay lãi ngày Nguyễn Minh T tự cho vay và thu tiền với khách vay. Đối với việc cho vay theo hình thức bát họ: Nguyễn Minh T tự cho hai khách Vũ Tiến D, Lê Ngọc A vay và thu tiền của người vay; đối với khách vay Bùi Thị L bị cáo Nguyễn Minh T trực tiếp cho vay và thuê Ngô Đức C thu tiền hàng ngày; đối với các khách vay gồm Vi Thị C, Hoàng Thị L, Nguyễn Thị L, Phạm Thúy H, Nguyễn Thị D, Lương Thị S, Đào Lan H, Nguyễn Thị O đều liên hệ qua Ngô Đức C vay tiền, các khách vay này Ngô Đức C đều đã báo cho Nguyễn Minh T. Nguyễn Minh T đã cắt lãi trước 2.000.000đ/bát và đưa 8.000.000đ cho Ngô Đức C để làm thủ tục cho vay, khi cho vay Ngô Đức C cắt lãi thêm 500.000 đồng/bát, cụ thể:

Đối với việc cho vay theo hình thức bát họ. cụ thể như sau:

STT	Họ và tên người vay tiền	Số lần vay	Thời gian vay	Số tiền gốc vay *(đồng)*	Số tiền Nguyễn Minh T đã cắt lãi *(đồng)*	Số tiền Ngô Đức C đã cắt lãi *(đồng)*	Số ngày vay	Lãi suất vay thực tế *(%/năm)*	Số tiền lãi trong quy định 20%/năm *(đồng)*			Số tiền thu lời bất chính *(đồng)*			Số tiền gốc còn nợ Nguyễn Minh T *(đồng)*
									Tổng cộng	T	C	Tổng cộng	T	C	
1	Bùi Thị L	1	Tháng 7/2020	10.000.000	2.000.000	Cương được Tâm thuê đi thu tiền	50	146	**273.973**	273.973		1.726.027	1.726.027		0
		2	Tháng 10/2020	10.000.000	2.000.000		50	146	**273.973**	273.973		1.726.027	1.726.027		0
		3	23/01/2021	10.000.000	2.000.000		50	146	**273.973**	273.973		1.726.027	1.726.027		3.400.000
2	Vũ Tiến D	1	Tháng 9/2020	10.000.000	2.000.000	Tâm tự cho vay và thu tiền	50	146	**273.973**	273.973		1.726.027	1.726.027		0
3	Lê Ngọc Â	1	Tháng 9/2020	30.000.000	5.400.000		50	131,4	**821.918**	821.918		4.578.082	4.578.082		0
4	Vi Thị C	1	24/01/2021	10.000.000	2.000.000	500.000	50	182,5	**273.973**	219.178	54.795	2.226.027	1.780.822	445.205	0
5	Hoàng Thị L	1	24/01/2021	10.000.000	2.000.000	500.000	50	182,5	**273.973**	219.178	54.795	2.226.027	1.780.822	445.205	0
6	Nguyễn Thị L	1	9/6/2020	20.000.000	4.000.000	1.000.000	50	182,5	**547.945**	438.356	109.589	4.452.055	3.561.644	890.411	0
		2	26/7/2020	20.000.000	4.000.000	1.000.000	50	182,5	**547.945**	438.356	109.589	4.452.055	3.561.644	890.411	0
		3	19/9/2020	40.000.000	8.000.000	2.000.000	50	182,5	**1.095.890**	876.712	219.178	8.904.110	7.123.288	1.780.822	0
		4	28/12/2020	50.000.000	10.000.000	2.500.000	50	182,5	**1.369.863**	1.095.890	273.973	11.130.137	8.904.110	2.226.027	0
		5	8/01/2021	50.000.000	10.000.000	2.500.000	50	182,5	**1.369.863**	1.095.890	273.973	11.130.137	8.904.110	2.226.027	0
7	Phạm Thúy H	1	18/12/2020	10.000.000	2.000.000	500.000	50	182,5	**273.973**	219.178	54.795	2.226.027	1.780.822	445.205	0
		2	24/01/2021	10.000.000	2.000.000	500.000	50	182,5	**273.973**	219.178	54.795	2.226.027	1.780.822	445.205	0
		3	30/01/2021	10.000.000	2.000.000	500.000	50	182,5	**273.973**	219.178	54.795	2.226.027	1.780.822	445.205	0
8	Nguyễn Thị D	1	15/11/2020	10.000.000	2.000.000	500.000	50	182,5	**273.973**	219.178	54.795	2.226.027	1.780.822	445.205	0
		2	26/12/2020	10.000.000	2.000.000	500.000	50	182,5	**273.973**	219.178	54.795	2.226.027	1.780.822	445.205	0
		3	29/01/2021	10.000.000	2.000.000	500.000	50	182,5	**273.973**	219.178	54.795	2.226.027	1.780.822	445.205	0
9	Lương Thị S	1	Tháng 6/2020	10.000.000	2.000.000	500.000	50	182,5	**273.973**	219.178	54.795	2.226.027	1.780.822	445.205	0
		2	Tháng 9/2020	10.000.000	2.000.000	500.000	50	182,5	**273.973**	219.178	54.795	2.226.027	1.780.822	445.205	0
10	Đào Lan H	1	Tháng 10/2020	10.000.000	2.000.000	500.000	50	182,5	**273.973**	219.178	54.795	2.226.027	1.780.822	445.205	0
11	Nguyễn Thị O	1	24/6/2020	10.000.000	2.000.000	500.000	50	182,5	**273.973**	219.178	54.795	2.226.027	1.780.822	445.205	0
Tổng cộng				**370.000.000**	**73.400.000**	**15.000.000**			**10.136.986**	**8.493.151**	**1.643.836**	**78.263.014**	**64.906.849**	**13.356.164**	**3.400.000**

*Đối với việc cho vay theo hình thức lãi ngày, Nguyễn Minh T tự cho khách vay và thu tiền của người vay, cụ thể:

- Ngày 16/9/2020, Nguyễn Minh T cho chị Nông Thị B vay 150.000.000đ với lãi suất thỏa thuận là 5.000đ/1 triệu/ngày. Đến ngày 24/9/2020, chị Nông Thị B tiếp tục vay thêm 35.000.000đ với cùng một mức lãi suất như trên. Đến ngày 01/10/2020, Nguyễn Minh T tính toán số tiền lãi chị Nông Thị B phải trả là 9.250.000đ tương ứng với 10 ngày lãi. Số tiền lãi trên chị Nông Thị B đã trả đủ, còn tiền gốc chưa trả được.

- Ngày 22/10/2020, tổng số tiền gốc chị Nông Thị B vay Nguyễn Minh T là 185.000.000đ. Lãi suất chị Nông Thị B phải trả là 23.575.000đ bao gồm 27 ngày lãi của khoản vay 150.000.000đ và 19 ngày lãi của khoản vay 35.000.000đ. Số tiền lãi trên chị Nông Thị B đã trả đủ và trả thêm được 17.000.000đ tiền gốc, còn nợ 168.000.000đ.

- Ngày 14/12/2020, chị Nông Thị B mang số tiền 45.000.000đ đến để thanh toán tiền gốc cho Nguyễn Minh T. Sau khi tính toán, từ ngày 22/10/2020 đến ngày 14/12/2020 tương ứng với 53 ngày lãi của khoản nợ 168.000.000đ, số tiền lãi chị Nông Thị B phải trả là 53x840.000đ = 44.520.00đ nên số tiền 45.000.000đ chị Nông Thị B mang đến, Nguyễn Minh T trừ hết vào tiền lãi. Số còn dư sẽ trừ vào tiền gốc. Sau đó, chị Nông Thị B trả thêm được 48.000.000đ tiền gốc, còn nợ 120.000.000đ.

- Ngày 10/02/2021, Nguyễn Minh T tính toán và báo cho chị Nông Thị B số tiền lãi phải trả của khoản vay 120.000.000đ là 58x600.000đ = 34.800.000đ. Số tiền lãi trên chị Bền chỉ trả được 6.000.000đ tiền lãi cho Nguyễn Minh T và không trả thêm được tiền gốc.

Với khoản vay trên, Nguyễn Minh T cho Nông Thị B vay tương ứng với lãi xuất 182.5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất được phép theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với khoản vay này thì tổng số tiền lãi Nguyễn Minh T đã nhận của chị Nông Thị B là 83.345.000đ (Tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi năm nghìn đồng). Trong đó, tiền lãi hợp pháp là 12.289.863đ (mười hai triệu hai trăm tám mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng). Tiền lãi bất chính là 71.055.137đ (bảy mươi mốt triệu không trăm năm mươi năm nghìn một trăm ba bảy đồng).

Tại bản kết luận giám định số 17/KLGĐ-PC09, ngày 23/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: "Trong máy tính xách tay gửi giám định, từ ngày 01/5/2020 đến 01/02/2021 tìm thấy 04 tệp tin Excel". Trên cơ sở kết luận giám định, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn tiến hành trích xuất dữ liệu trong máy tính Sony Vaio thu được file Excel mang tên "Lê Thị Hồng H – Nguyễn Minh T" chứa nội dung các bảng cột tính của người vay, số tiền cho vay, số tiền thực nhận sau khi cắt lãi, số tiền phải trả hằng ngày, số tiền đã trả, số tiền còn nợ và việc phân loại khách nợ xấu, khách trả đều, khách trốn nợ. Quá trình điều tra, đã tiến hành thực nghiệm điều

tra đối với Nguyễn Minh T về việc thực hiện các thao tác kẻ bảng, đánh dấu bằng màu sắc để phân loại khách, nhập công thức tính trên máy tính nhưng Nguyễn Minh T không thực hiện được và khai nhận trong quá cho vay thì có nhờ vợ là Lê Thị Hồng H giúp kẻ bảng tính Excel và nhập số liệu 04 khách vay là Lê Ngọc A, Bùi Thị L, Vũ Tiến D, Nông Thị B.

Tại bản cáo trạng số 81/CT-VKS ngày 24 tháng 6 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Bị cáo Ngô Đức C và Lê Thị Hồng H bị truy tố về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Minh T khai nhận: Trong khoảng thời gian từ 6/2020 đến tháng 01/2021, Nguyễn Minh T đã cho 12 khách vay tiền nhiều lần gồm gồm chị Bùi Thị L, anh Vũ Tiến D, anh Lê Ngọc A, bà Nông Thị B, bà Vi Thị C, bà Hoàng Thị L, bà Nguyễn Thị L, bà Phạm Thúy H, bà Nguyễn Thị D, bà Lương Thị S, bà Đào Lan H, bà Nguyễn Thị O. Tổng số tiền bị cáo cho vay là 555.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 131,4% đến 182,5%/năm; tổng số tiền thu lời bất chính là 149.318.151 đồng. Ngoài ra, bị cáo còn cho một số người khác vay tiền với lãi suất cao nhưng không còn lưu giữ giấy tờ vay và không còn nhớ tên, địa chỉ cụ thể của những người đó do các khách vay đã trả tiền xong.

Trong quá trình cho vay, cuối tháng 9/2020 Nguyễn Minh T nói cho vợ là Lê Thị Hồng H biết việc bản thân cho vay lãi, hình thức vay bát họ mỗi bát 10.000.000 đồng, cắt lãi 2.000.000 đồng và cho vay lãi ngày lãi xuất 5.000đồng/ 01 triệu/ 01 ngày, do Lê Thị Hồng H làm nhân viên Ngân Hàng, thông thạo phần mềm Excel nên Nguyễn Minh T cùng Lê Thị Hồng H lập bảng Excel trên máy tính laptop nhãn hiệu Sony Vaio để theo dõi việc cho vay, hằng ngày sau khi cho khách vay và nhận tiền của khách Nguyễn Minh T đọc cho Lê Thị Hồng H để nhập vào Bảng Excel theo dõi gồm tên người vay, ngày vay, số tiền vay và hình thức vay để Nguyễn Minh T quản lý, thời điểm trước khi lực lượng Công an thu giữ máy tính, Nguyễn Minh T đã bảo Lê Thị Hồng H xóa toàn bộ bảng theo dõi trên. Ngoài ra, trong quá trình cho vay Nguyễn Minh T không ở nhà thì Lê Thị Hồng H sẽ nhận tiền mặt khách vay trả với Ngô Đức C hoặc Ngô Đức C chuyển khoản ngân hàng vào tài khoản Ngân hàng BIDV của Lê Thị Hồng H, sau đó Lê Thị Hồng H chuyển lại tiền cho Nguyễn Minh T.

Bị cáo Ngô Đức C khai nhận: Bị cáo được Nguyễn Minh T thuê làm công được trả lương số tiền là 5.000.000đ/tháng, mỗi bát họ Nguyễn Minh T cho vay là 10.000.000đ, Nguyễn Minh T cắt lãi trước 2.000.000đ/bát và đưa cho Ngô Đức C 8.000.000đ/bát để Ngô Đức C mang cho khách. Đối với mỗi bát họ, Ngô Đức C được cắt thêm 500.000đ/bát tiền lãi để hưởng hoa hồng. Nếu khách vay tiền trực tiếp với Nguyễn Minh T thì bị cắt 2.000.000đ tiền lãi mỗi bát họ, còn vay qua Ngô Đức C thì bị cắt 2.500.000đ tiền lãi. Trong thời gian được Nguyễn Minh T thuê, Ngô Đức C đã đi thu tiền hàng ngày của Bùi Thị L do Nguyễn Minh T cho vay trực tiếp, đối với các khách vay bát họ gồm Vi Thị C, Hoàng Thị L, Nguyễn Thị L, Phạm Thúy H, Nguyễn Thị D, Lương Thị S, Đào Lan H,

Nguyễn Thị O thì sau khi được Nguyễn Minh T đồng ý, Ngô Đức C trực tiếp làm thủ tục cho vay và cắt lãi thêm 500.000đồng/bát. Tổng số tiền Ngô Đức C thu lời bất chính cùng Nguyễn Minh T đối với 09 người vay là 71.958.904 đồng. Bản thân Ngô Đức C trong quá trình làm cho Nguyễn Minh T chỉ thấy Nguyễn Minh T và Lê Thị Hồng H quản lý máy tính laptop nhãn hiệu Sony Vaio màu trắng, một số lần khi Nguyễn Minh T không có ở nhà, Ngô Đức C sẽ đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Lê Thị Hồng H để nhờ đưa lại cho Nguyễn Minh T. Khi đưa, Ngô Đức C nói rõ là tiền thu của khách vay, tên người nộp tiền cho Lê Thị Hồng H biết. Đối với khoản vay của bà Vi Thị C và bà Hoàng Thị L, bị cáo đã thu đủ số tiền nợ gốc tổng 7.200.000 đồng còn lại của hai người này và đã đưa lại số tiền đó cho bị cáo Lê Thị Hồng H.

Bị cáo Lê Thị Hồng H thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 02/2021 Lê Thị Hồng H biết Nguyễn Minh T cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, dưới hình thức cho vay bát họ cắt lãi 2.000.000đ trên 10.000.000 đ và cho vay lãi ngày 5.000đ/01 triệu/01 ngày. Lê Thị Hồng H cùng Nguyễn Minh T lập 01 bảng tính Excel, Lê Thị Hồng H trực tiếp kẻ 04 cột và hướng dẫn Nguyễn Minh T kẻ tiếp các cột còn lại để theo dõi quá trình vay, sau đó cùng Nguyễn Minh T nhập bảng trên máy tính đối với 04 người vay gồm Lê Ngọc A, Bùi Thị L, Vũ Tiến D, Nông Thị B, tổng số tiền Lê Thị Hồng H thu lời bất chính cùng Nguyễn Minh T là 82.537.329 đồng. Ngoài ra, Lê Thị Hồng H có được nhận và chuyển khoản tiền với Ngô Đức C liên quan đến việc vay nhưng nhớ rõ là của ai.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm chị Bùi Thị L, anh Vũ Tiến D, anh Lê Ngọc A, bà Nông Thị B, bà Vi Thị C, bà Hoàng Thị L, bà Nguyễn Thị L, bà Phạm Thúy H, bà Nguyễn Thị D, bà Lương Thị S, bà Đào Lan H, bà Nguyễn Thị O vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong quá trình điều tra thể hiện được vay tiền của Nguyễn Minh T, Ngô Đức C với số lần vay, thời gian vay, số tiền vay, lãi suất và việc trả nợ gốc và trả lãi như nêu trên.

Đại diện Ngân hàng TMCP Đ trình bày: Ngày 12/11/2020 Nguyễn Minh T và Lê Thị Hồng H có vay vốn ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số REF2031400095/HĐTD với số tiền 1.000.000.000 đồng và có ký hợp đồng thế chấp số REF2031400095/HDTC ngày 12/11/2020 được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định, tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô Mercedes-benz biển kiểm soát 12A-147.09. Tính đến ngày 16/8/2021 dư nợ của Nguyễn Minh T và Lê Thị Hồng H là 933.878.849 đồng, trong đó nợ gốc 928.052.525 đồng, nợ lãi 5.826.324 đồng. Hiện tài sản đảm bảo là chiếc xe ô tô đang bị tạm giữ trong vụ án, để đảm bảo việc thu hồi nợ đề nghị bàn giao tài sản bảo đảm cho ngân hàng để ngân hàng chủ động xử lý, thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cơ bản giữ nguyên quan điểm như trong bản cáo trạng đã truy tố, riêng về số tiền cho vay và tiền thu lời bất chính của bị cáo Lê Thị Hồng H do xác định lại với tổng số tiền cho vay là 255.000.000 đồng, số tiền thu lời bất chính đối với 04 người vay trong bảng Excel là 82.537.329 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 201 Bộ

luật Hình sự; bị cáo Ngô Đức C, bị cáo Lê Thị Hồng H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 09 đến 12 tháng tù, phạt bổ sung 50 triệu đồng.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Đức C từ 12 đến 15 tháng cải tại không giam giữ, phạt bổ sung 30 triệu đồng.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, n khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng H từ 10-12 tháng cải tại không giam giữ, phạt bổ sung 30 triệu đồng.

- Về áp dụng biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền gốc các bị cáo cho vay lãi nặng và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn nợ tiền gốc các bị cáo tổng là 555.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước, trong đó:

+ Bị cáo Nguyễn Minh T phải nộp số tiền 424.400.000 đồng;

+ Bị cáo Lê Thị Hồng H phải nộp số tiền 7.200.000 đồng;

+ Chị Bùi Thị L phải nộp số tiền: 3.400.000 đồng;

+ Bà Nông Thị B phải nộp số tiền: 120.000.000 đồng;

- Truy thu bị cáo Nguyễn Minh T số tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định là 20.783.014 đồng, Ngô Đức C 1.643.836 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Minh T, Ngô Đức C phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền lãi đã thu vượt mức 20%/năm, cụ thể:

STT	Họ và tên	Nguyễn Minh T phải trả	Ngô Đức C phải trả
01	Bùi Thị L	5.178.082 đồng;	
02	Vũ Tiến D	1.726.027 đồng;	
03	Lê Ngọc A	4.578.082 đồng;	
04	Nông Thị B	71.055.137 đồng	
05	Vi Thị C	1.780.822 đồng;	445.205 đồng
06	Hoàng Thị L	1.780.822 đồng	445.205 đồng
07	Nguyễn Thị L	32.054.795 đồng	8.013.699 đồng
08	Phạm Thúy H	5.342.466 đồng	1.335.616 đồng
09	Nguyễn Thị D	5.342.466 đồng	1.335.616 đồng
10	Lương Thị S	3.561.644 đồng	890.411 đồng
11	Đào Lan H	1.780.822 đồng	1.780.822 đồng
12	Nguyễn Thị O	1.780.822 đồng	1.780.822 đồng
Tổng		135.961.986 đồng	13.356.164 đồng

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 72 mẫu giấy vay tiền, 01 giấy vay tiền mang tên Lê Thị Hồng H. Tịch thu hóa giá 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo Nguyễn Minh T và Ngô Đức C do liên quan đến hành vi phạm

tội; Tịch thu hóa giá 01 máy tính laptop nhãn hiệu Sony Vaio màu trắng do liên quan đến hành vi phạm tội. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh T 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes E200 màu trắng, biển kiểm soát 12A-147.09 xe cũ đã qua sử dụng. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh T 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Minh T. Trả lại cho bà Lầu Thúy N 01 chứng minh nhân dân mang tên Lầu Thúy N. Trả lại số tiền 63.729.000 đồng của bị cáo Nguyễn Minh T và số tiền 1.150.000 đồng của bị cáo Ngô Đức C.

Duy trì lệnh phong tỏa tài khoản đối với số tiền 54.307.931 đồng tính đến ngày 03/3/2021 của số tài khoản 6861111111 mang tên Nguyễn Minh T tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn và số tiền 6.083.409 đồng tính đến ngày 17/5/2021 của số tài khoản 35110000536284 mang tên Lê Thị Hồng H tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn để bảo đảm thi hành án.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Con người, sự việc liên quan đến vụ án: Đối với các đối tượng Trịnh Tuấn Anh, sinh năm 1991, trú tại 18/01 đường Thân Cảnh Phúc, phường H, thành phố Lạng Sơn được Nguyễn Minh T thuê đi thu tiền của khách, đến tháng 12/2020 Tuấn Anh nghỉ làm, Nguyễn Minh T có được nhờ Hoàng Thế Anh, sinh năm 1989, trú tại thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thu tiền của Nông Thị B từ tháng 12/2020, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập xác minh các đối tượng trên để làm rõ, tuy nhiên các đối tượng hiện không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra tách hồ sơ tiếp tục làm rõ đối với các đối tượng để có căn cứ xử lý.

Đối với đối tượng tên Dũng, bị cáo Ngô Đức C khai nhận Dũng là bạn bè ngoài xã hội với Ngô Đức C. Ngô Đức C chỉ rủ Dũng cùng đi thu tiền với Ngô Đức C. Bản thân Dũng không được giúp sức hay hưởng lợi gì từ việc trên. Bị can Ngô Đức C không cung cấp được tên tuổi, địa chỉ của Dũng nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ.

Đối với một số khách vay, do không xác định được nhân thân lai lịch, vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra không có căn cứ tiến hành xác minh làm rõ.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội đã thực hiện, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ 2 và đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ. Sự vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến

vụ án không ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng, việc thu thập tài liệu, chứng cứ của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện, các tài liệu chứng cứ đã thu thập đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, các vật chứng đã thu giữ được và toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2020 đến tháng 02/2021 trên địa bàn thành phố Lạng Sơn, Nguyễn Minh T đã cho 12 người vay lãi nặng với tổng số tiền cho vay 555.000.000 đồng, mức lãi xuất tối thiểu 131,4%-182,5%/01 năm (gấp 6,57-9,125 lần lãi xuất tối đa được phép quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015), số tiền thu lời bất chính là 149.318.151 đồng. Bị cáo Nguyễn Minh T đã thuê Ngô Đức C để chuyển tiền và thu tiền cho vay, bị cáo Ngô Đức C được hưởng 500.000 đồng/bát họ. Bị cáo Ngô Đức C đã giúp sức cho Nguyễn Minh T khi thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với 09 người vay, tổng số tiền cho vay là 330.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính cùng Nguyễn Minh T là 71.958.904 đồng. Bị cáo Lê Thị Hồng H là người giúp sức cho Nguyễn Minh T thể hiện ở việc lập bảng Excel, kẻ các cột, nhập tên khách vay, ngày vay, số tiền cho vay, quá trình trả tiền vay, giúp Nguyễn Minh T theo dõi 04 người vay được thể hiện trong bảng Excel với tổng số tiền cho vay là 255.000.000 đồng, số tiền thu lời bất chính cùng Nguyễn Minh T đối với 04 người vay có tên trong bảng Excel là 82.537.329 đồng. Do đó, đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo Ngô Đức C, Lê Thị Hồng H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng pháp luật nghiêm cấm nhưng do hám lợi và coi thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, do đó hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật để nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Ngoài

việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên, để có mức án thỏa đáng còn phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác có liên quan của bị cáo, trên cơ sở xem xét lời đề nghị, luận tội của Viện kiểm sát.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Minh T, Lê Thị Hồng H có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Ngô Đức C đã có 01 tiền sự nhưng đã được xóa.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ba bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Minh T và Ngô Đức C thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, riêng bị cáo Lê Thị Hồng H tại phiên tòa chỉ khai báo về việc được kẻ 04 cột trên bảng tính Excel và giúp Nguyễn Minh T nhập số liệu bảng trên máy tính đối với 04 người vay, chưa thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội nên chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Thị Hồng H khi phạm tội đang mang thai và có ông ngoại Lê Xuân Bình được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Minh T có ông nội là Nguyễn Duy Nghệ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương hạng nhì và có bác ruột Nguyễn Duy Thọ là liệt sĩ, các bác Nguyễn Duy Mạnh, Nguyễn Duy Mão được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến chống Mỹ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này các bị cáo đồng phạm giản đơn, phải chịu trách nhiệm hậu quả tương ứng với phần tham gia phạm tội. Bị cáo Nguyễn Minh T đóng vai trò là người khởi xướng hoạt động cho vay lãi nặng, số tiền thu lời bất chính 149.318.151 đồng do đó phải chịu hình phạt tương hình với khung hình phạt, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xem xét, quyết định một mức án tương xứng với hành vi phạm tội đó là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định ở mức gần khởi điểm của khung hình phạt để bị cáo có thời gian tập trung cải tạo và trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội, đảm bảo tính chất răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung đồng thời cũng thể hiện tính khoan hồng của Nhà nước.

[9] Đối với bị cáo Ngô Đức C và Lê Thị Hồng H căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, số tiền thu lời bất chính, đều có vai trò giúp sức, xét thấy đến nay, các bị cáo không có biểu hiện vi phạm pháp luật mới, đã thực sự hối cải, có khả năng tự cải tạo vì vậy thấy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo ở mức tương đồng nhau là phù hợp, để các bị

cáo có thời gian cải tạo thành người có ích cho xã hội, đồng thời bảo đảm tính giáo dục chung và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói riêng.

[10] Hình phạt bổ sung: Cần phạt bị cáo Nguyễn Minh T 40.000.000 đồng và các bị cáo còn lại mỗi bị cáo 30.000.000 đồng mới đủ sức răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[11] Về biện pháp tư pháp:

[12] Truy thu số tiền gốc các bị cáo cho vay lãi nặng và số tiền những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của các bị cáo chưa trả cho các bị cáo, xét đây là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội, là giao dịch dân sự vô hiệu, buộc các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp lại tổng là 555.000.000 đồng, trong đó: Bị cáo Nguyễn Minh T phải nộp lại số tiền 424.400.000 đồng; bị cáo Lê Thị Hồng H phải nộp lại số tiền 7.200.000 đồng; chị Bùi Thị L phải nộp lại số tiền 3.400.000 đồng; bà Nông Thị B phải nộp lại số tiền 120.000.000 đồng để sung vào Ngân sách nhà nước.

[13] Truy thu bị cáo Nguyễn Minh T số tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định là 20.783.014 đồng, Ngô Đức C là 1.643.836 đồng để sung ngân sách Nhà nước do là khoản tiền phát sinh từ tội phạm.

[14] Buộc bị cáo Nguyễn Minh T, Ngô Đức C phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền lãi đã thu vượt mức 20%/năm, cụ thể:

STT	Họ và tên	Nguyễn Minh T phải trả	Ngô Đức C phải trả
01	Bùi Thị L	5.178.082 đồng;	
02	Vũ Tiến D	1.726.027 đồng;	
03	Lê Ngọc A	4.578.082 đồng;	
04	Nông Thị B	71.055.137 đồng	
05	Vi Thị C	1.780.822 đồng;	445.205 đồng
06	Hoàng Thị L	1.780.822 đồng	445.205 đồng
07	Nguyễn Thị L	32.054.795 đồng	8.013.699 đồng
08	Phạm Thúy H	5.342.466 đồng	1.335.616 đồng
09	Nguyễn Thị D	5.342.466 đồng	1.335.616 đồng
10	Lương Thị S	3.561.644 đồng	890.411 đồng
11	Đào Lan H	1.780.822 đồng	1.780.822 đồng
12	Nguyễn Thị O	1.780.822 đồng	1.780.822 đồng
Tổng		135.961.986 đồng	13.356.164 đồng

[15] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 72 mẫu giấy vay tiền, 01 giấy vay tiền mang tên Lê Thị Hồng H. Tịch thu hóa giá 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo Nguyễn Minh T và Ngô Đức C do liên quan đến hành vi

phạm tội; Tịch thu hóa giá 01 máy tính laptop nhãn hiệu Sony Vaio màu trắng do liên quan đến hành vi phạm tội. Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes E200 màu trắng, biển kiểm soát 12A-147.09 xe cũ đã qua sử dụng. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự chiếc xe ô tô không phải là vật chứng, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại tài sản cho chủ sở hữu là bị cáo Nguyễn Minh T. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh T 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Minh T. Trả lại cho bà Lầu Thúy N 01 chứng minh nhân dân mang tên Lầu Thúy N. Trả lại số tiền 63.729.000 đồng đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Minh T và số tiền 1.150.000 đồng của bị cáo Ngô Đức C do không liên quan đến hành vi phạm tội. Duy trì lệnh phong tỏa tài khoản đối với số tiền 54.307.931 đồng tính đến ngày 03/3/2021 của số tài khoản 6861111111 mang tên Nguyễn Minh T tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn và số tiền 6.083.409 đồng tính đến ngày 17/5/2021 của số tài khoản 35110000536284 mang tên Lê Thị Hồng H tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn để bảo đảm thi hành án.

[16] Đối với các đối tượng khác được Nguyễn Minh T thuê để đi thu tiền và một số người vay tiền của Nguyễn Minh T trong bảng Excel, một số người Ngô Đức C thu tiền đưa cho Lê Thị Hồng H do không xác định được nhân thân lai lịch, vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra không có căn cứ tiến hành xác minh làm rõ, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[17] Đối với ý kiến đại diện Ngân hàng TMCP Đ đề nghị bàn giao tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes E200 màu trắng, biển kiểm soát 12A-147.09 khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ cam kết tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký kết là quan hệ dân sự không xem xét giải quyết trong vụ án này. Như đã phân tích ở mục [15], chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes E200 màu trắng, biển kiểm soát 12A-147.09 đang thế chấp giữa bị cáo Nguyễn Minh T, Lê Thị Hồng H và Ngân hàng TMCP Đ, không phải là vật chứng, không liên quan đến hành vi phạm tội trong vụ án hình sự nên trả lại tài sản cho chủ sở hữu là bị cáo Nguyễn Minh T theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 030322 Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 12/11/2020.

[18] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát ý kiến nào phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận ý kiến nào trái với nhận định của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận.

[19] Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[20] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh T.

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Đức C.

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 201, điểm i, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị Hồng H.

Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T, Ngô Đức C, Lê Thị Hồng H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 02/3/2021.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Minh T 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), sung Ngân sách Nhà nước.

2.2 Xử phạt bị cáo Ngô Đức C 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án (được trừ đi số ngày bị cáo đã bị tạm giữ, từ 02/3/2021 đến hết ngày 11/3/2021).

Giao bị cáo Ngô Đức C cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị kết án hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Ngô Đức C 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), sung Ngân sách Nhà nước.

2.3 Xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng H 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Thị Hồng H cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị kết án hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Hồng H 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu số tiền gốc các bị cáo cho vay lãi nặng và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn nợ tiền gốc các bị cáo tổng là 555.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước, trong đó:

+ Bị cáo Nguyễn Minh T phải nộp lại số tiền 424.400.000 đồng;

+ Bị cáo Lê Thị Hồng H phải nộp lại số tiền 7.200.000 đồng;

+ Chị Bùi Thị L phải nộp lại số tiền: 3.400.000 đồng;

+ Bà Nông Thị B phải nộp lại số tiền: 120.000.000 đồng;

- Truy thu các bị cáo Nguyễn Minh T số tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định là 20.783.014 đồng, truy thu bị cáo Ngô Đức C 1.643.836 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Minh T, Ngô Đức C phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền lãi đã thu vượt mức 20%/năm, cụ thể:

STT	Họ và tên	Nguyễn Minh T phải trả	Ngô Đức C phải trả
01	Bùi Thị L	5.178.082 đồng;	
02	Vũ Tiến D	1.726.027 đồng;	
03	Lê Ngọc A	4.578.082 đồng;	
04	Nông Thị B	71.055.137 đồng	
05	Vi Thị C	1.780.822 đồng;	445.205 đồng
06	Hoàng Thị L	1.780.822 đồng	445.205 đồng
07	Nguyễn Thị L	32.054.795 đồng	8.013.699 đồng
08	Phạm Thúy H	5.342.466 đồng	1.335.616 đồng
09	Nguyễn Thị D	5.342.466 đồng	1.335.616 đồng
10	Lương Thị S	3.561.644 đồng	890.411 đồng
11	Đào Lan H	1.780.822 đồng	1.780.822 đồng
12	Nguyễn Thị O	1.780.822 đồng	1.780.822 đồng
Tổng		135.961.986 đồng	13.356.164 đồng

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành nếu bên phải thi hành chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 72 mẫu giấy vay tiền, 01 giấy vay tiền mang tên Lê Thị Hồng H.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu đen kèm ốp lưng màu xanh, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro màu đen xám bị vỡ phần kính cường lực, 01 máy tính laptop nhãn hiệu Sony Vaio màu trắng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh T: 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes E200 màu trắng, biển kiểm soát 12A-147.09 xe cũ đã qua sử dụng; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Minh T.

- Trả lại cho bà Lầu Thúy N: 01 chứng minh nhân dân mang tên Lầu Thúy N.

- Trả lại số tiền 63.729.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Minh T và số tiền 1.150.000 đồng cho bị cáo Ngô Đức C nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng nói trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, có đặc điểm như được mô tả trong biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/7/2021 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án án dân sự phố Lạng Sơn).

- Duy trì lệnh phong tỏa tài khoản đối với số tiền 54.307.931 đồng tính đến ngày 03/3/2021 của số tài khoản 6861111111 mang tên Nguyễn Minh T tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn và số tiền 6.083.409 đồng tính đến ngày 17/5/2021 của số tài khoản 35110000536284 mang tên Lê Thị Hồng H tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn để bảo đảm thi hành án.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Minh T, Ngô Đức C, Lê Thị Hồng H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn
- VNKND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- CA TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, NCQLNVLQ;
- UBND phường…;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Huyền